



Những nét mới của kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2009

TS. NGUYỄN MINH PHONG

Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế-Xã hội Hà Nội

Thứ nhất, hầu hết các chỉ tiêu phát triển kinh tế đều sụt giảm mạnh, nhưng vẫn có sự vượt trội so với khu vực và thế giới.

Tốc độ tăng trưởng GDP cả nước trong 6 tháng đầu năm 2009 là 3,9% (trong đó công nghiệp & xây dựng tăng 3,48%, nông, lâm, ngư nghiệp tăng 1,28% và dịch vụ tăng 5,5%). So với mức tăng cùng kỳ 2008 là 6,5% thì mức tăng trưởng GDP giảm tới 40% và là mức thấp nhất trong hàng chục năm qua, song đây vẫn là một thành công đáng ghi nhận của Việt Nam trong so sánh với tình hình chung của thế giới. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, kinh tế thế giới trong cả năm 2009 có khả năng tăng trưởng âm 3,0-3,5%, trong đó Việt Nam là 1 trong số 13 nước duy nhất của 192 nước thành viên trong Liên Hiệp Quốc có mức tăng trưởng dương. Hầu hết các nền kinh tế hàng đầu thế giới đều trong tình trạng suy thoái nặng nề, nhất là Mỹ, nơi phát nguồn khủng hoảng, có sự tăng trưởng âm liên tiếp hàng chục tháng qua, với mức -6,3% trong quý

IV/2008 và -5,5% trong quý I/2009. Hơn nữa, Việt Nam trong nửa đầu năm 2009 đã lọt vào top 10 nước trên thế giới có sức thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐTTNN) mạnh nhất so với vị trí thứ 17/20 nước của năm 2008 (trong đó Mỹ đã vươn lên là nước dẫn đầu các nước có đầu tư tại Việt Nam so với vị trí 11/81 nước có đầu tư vào Việt Nam năm 2008). Tính đến 16/6/2009 Việt Nam thu hút được 8,87 tỷ USD, chỉ bằng 22,6% so cùng kỳ 2008, nhưng vốn giải ngân đạt tới 4 tỷ USD, bằng 81,6% so cùng kỳ năm trước. Riêng ODA cam kết mới đạt tới 1,783 tỷ USD, tăng 15,9% so cùng kỳ năm 2008. Đặc biệt, ngành may mặc Việt Nam năm nay được đánh giá là có sức bám trụ tốt nhất thế giới, thể hiện ở mức sụt giảm kim ngạch xuất khẩu thấp nhất thế giới (1%) trong cùng ngành này do các nỗ lực tăng khối lượng hàng xuất khẩu vượt bậc để bù lại mức sụt giảm giá xuất khẩu....

Thứ hai, các động lực tăng trưởng đang chuyển dịch sang khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thị trường nội địa.

Điều đáng chú ý là, do khủng hoảng làm giảm sút dòng ĐTTNN và thị trường xuất khẩu của Việt Nam, nên các động lực tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2009 có xu hướng chuyển trọng tâm vào khu vực kinh tế tư nhân và thị trường trong nước, thể hiện đậm nét ở động thái phát triển ngành công nghiệp (vốn có đóng góp vào tăng trưởng GDP nhiều nhất của Việt Nam suốt thời gian qua) và ở sự gia tăng mức bán lẻ trong nước, cũng như thể hiện ở tốc độ tăng trưởng GDP và công nghiệp của cả Hà Nội và TP.HCM, 2 trung tâm kinh tế-công nghiệp lớn nhất cả nước – đều có tốc độ tăng trưởng thấp hơn hẳn mức tăng trung bình của cả nước. Trong 6 tháng đầu năm 2009, sự tăng trưởng của công nghiệp Việt Nam là 4,8% (so với mức cùng kỳ năm 2008 là 16,5% thì giảm gần 4 lần), trong đó công nghiệp trong khu vực kinh tế nhà nước chỉ tăng 1,5% (công nghiệp Trung ương tăng 3,1%, còn công nghiệp địa phương giảm tới -4%), công nghiệp khu vực có vốn ĐTTNN tăng 4.5%, thì công nghiệp

ngoài nhà nước tăng trưởng tới 7,6%, tức gấp 5 lần tốc độ công nghiệp nhà nước và 1,8 lần công nghiệp khu vực có vốn ĐTTNN. Ở Hà Nội, trung tâm công nghiệp lớn thứ 2 cả nước, trong 6 tháng đầu năm 2009, mức tăng trưởng công nghiệp chung chỉ đạt 3,9%, tức thấp hơn mức tăng trung bình cả nước, mức tăng ở khu vực ngoài nhà nước đạt tới 7,9%, ở khu vực nhà nước đạt 4,8%, trong khi ở khu vực có vốn ĐTTNN chỉ có mức tăng trưởng hết sức khiêm tốn là 0,2%; sự tăng trưởng được ghi nhận trong 7/12 ngành công nghiệp địa phương (trong đó ngành chế tạo máy tăng cao nhất là 26%), trong 12/20 ngành công nghiệp Trung ương (trong đó sản xuất đồ da tăng 82%), trong 14/20 ngành công nghiệp khu vực có vốn ĐTTNN (ngành sản xuất kim loại tăng 83% và ngành chế biến gỗ lâm sản tăng kỷ lục tới 363%), đặc biệt, mức tăng được ghi nhận trong 12/22 ngành công nghiệp ngoài nhà nước, trong đó mức tăng trưởng của các công ty cổ phần trong nước là 16%, còn khu vực làng nghề, các doanh nghiệp (DN) tư nhân giảm 2,6%, các hợp tác xã giảm nặng nhất, tới 8%. Đặc biệt, mức tăng trưởng vốn đầu tư xã hội ở Hà Nội cũng cho thấy sự chuyển dịch trọng tâm động lực tăng trưởng vào khu vực kinh tế trong nước: vốn đầu tư xã hội trong nước 6 tháng đầu năm 2009 tăng 16,8% trong khi vốn ngoài nước giảm tới 8,4%.

Xuất khẩu và nhập siêu của cả nước đều giảm mạnh: nhập siêu trong 5 tháng đầu năm 2009 giảm còn 1,128 tỷ USD

(trong đó, đặc biệt có 2 tháng đầu năm đã có xuất siêu như một sự kiện hiếm hoi, nhưng không hẳn đáng mừng của ngoại thương Việt Nam suốt nhiều thập niên qua) so với mức 18 tỷ USD của năm 2008; đồng thời xuất khẩu giảm tới 10,1% so cùng kỳ, trong đó xuất khẩu của khu vực DN có vốn ĐTTNN (chiếm 1/3 tổng kim ngạch xuất khẩu hàng công nghiệp của Việt Nam) giảm mạnh nhất và đó là nguyên nhân hàng đầu khiến vai trò công nghiệp trong tăng trưởng GDP của Việt Nam giảm mạnh trong năm nay. Sự giảm sút các giá hàng nông sản xuất khẩu cũng gây thiệt hại lớn cho ngành nông, lâm nghiệp: café giảm giá 28,3%, tiêu giảm 35%, điều giảm 15%, gạo giảm 21,6% và cao su giảm tới 44% do chỉ xuất nguyên liệu mủ thô, hàm lượng chế biến thấp. Tổng mức bán lẻ 6 tháng đầu năm 2009 tăng 20% so cùng kỳ 2008, nếu trừ đi mức lạm phát vẫn tăng tới 8,95% trong 5 tháng đầu năm. Chính sự gia tăng tiêu thụ trong nước này đã góp phần giúp tốc độ phát triển công nghiệp nhìn chung có sự ổn định trong những tháng gần đây (so với tháng trước, tháng



3/2009 tăng 2,3%, tháng 4 tăng 5,4%, tháng 5 tăng 6,8% và tháng 6 tăng tới 8,2%).

Thứ ba, sự tích tụ đồng thời cả những cơ hội và những thách thức mới cho phát triển.

Những cơ hội cho phát triển thể hiện ở sự gia tăng ít nhiều vị thế của Việt Nam trong con mắt các nhà ĐTTNN, ở sự tôn cao hơn vai trò động lực phát triển của vốn đầu tư và thị trường trong nước, cũng như thể hiện ở sự tăng trưởng ổn định của công nghiệp ngoài quốc doanh và sự năng động, tích cực, chủ động gia tăng doanh số bán lẻ của các doanh nghiệp trong nước, mở mang thêm thị trường mới nước



áp lực lạm phát cao, cũng như mối quan ngại về gánh nặng lao động thiếu việc làm đầy đủ, sự khẩn thiết của các hoạt động an sinh xã hội quy mô lớn, đây tốn kém.... Cho đến hết tháng 7/2009, theo báo cáo sơ bộ trên toàn quốc đã có 350.000 tỷ đồng được giải ngân theo kênh của “2 gói kích cầu”. Tuy còn cần thời gian, cũng như các số liệu cần thiết để tổng kết thực tế, phân tích khách quan hiệu quả của các

tăng tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ trên thị trường, có thêm cơ hội giữ vững và mở rộng sản xuất, từ đó góp phần giảm bớt áp lực thất nghiệp và đảm bảo ổn định xã hội. Đồng thời, “gói kích cầu” còn giúp các ngân hàng cải thiện hoạt động huy động và cho vay tín dụng của mình, do vừa không phải hạ thấp lãi suất huy động để gây giảm và biến động mạnh nguồn tiền gửi và huy động; vừa mở rộng đầu ra nhờ không buộc phải nâng lãi suất cho vay để làm thu hẹp cầu tín dụng trên thị trường. Sự ổn định và hoạt động lành mạnh của hệ thống ngân hàng trong khi gia tăng dòng tiền bơm vào thị trường là điều kiện tiên quyết cho sự ổn định kinh tế vĩ mô và gia tăng các hoạt động đầu tư xã hội, mà bài học khủng hoảng tài chính ở Mỹ hiện đang là bài học đắt giá nóng hổi. Ngoài ra, dòng vốn của “gói kích cầu” còn trực tiếp góp phần gia tăng các hoạt động đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo nền tảng và động lực của sự phát triển xã hội cả hiện tại, cũng như tương lai. Những hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại quốc gia được tài trợ từ “gói kích cầu” nếu thực hiện có hiệu quả cũng sẽ có tác động tích cực đến tăng dòng vốn chảy vào và mở rộng thị trường đầu ra cho doanh nghiệp và nền kinh tế, từ đó trực tiếp góp phần vào phát triển kinh tế-xã hội đất nước....

ngoài.... Hơn nữa, sự khởi sắc của TTCK và thị trường bất động sản (BDS) trong thời gian gần đây, đặc biệt là nhu cầu ngày càng to lớn về đầu tư phát triển, hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng văn hóa – xã hội, trong đó có nhà ở xã hội, cũng ít nhiều thổi thêm làn gió tạo những động lực tăng trưởng kinh tế mới cho nền kinh tế nước ta thời gian qua và cả tới đây.

Tuy nhiên, sự e ngại cũng đang lớn dần, trước hết liên quan đến tác động mặt trái của gói kích cầu, nhất là về nguy cơ gia tăng các hoạt động đầu cơ trên TTCK, thị trường BDS, tích dồn nợ xấu trong hoạt động ngân hàng và nguy cơ gia tăng

gói kích cầu này, song trước mắt có thể cảm nhận được một số tác động 2 mặt của chúng:

Một mặt, “gói kích cầu” trước hết có hiệu ứng tâm lý tích cực, như một chiếc phao cứu sinh làm gia tăng tức thời lòng tin của các DN, các ngân hàng và nhà đầu tư trong nước và quốc tế vào trách nhiệm và quyền năng của nhà nước trong giải cứu các DN đang gặp khó khăn, cũng như vào triển vọng thị trường và môi trường đầu tư trong nước. Hơn nữa, “gói kích cầu” trực tiếp hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận được các nguồn vốn ngân hàng với chi phí rẻ hơn, từ đó giảm bớt các chi phí kinh doanh, góp phần giảm giá, tăng cạnh tranh và

Mặt khác, bên cạnh những tác động tích cực trên, nếu “gói kích cầu” bị lạm dụng, thiếu kiểm soát và sử dụng không

hiệu quả sẽ có thể gây ra một số hệ lụy tiêu cực nặng nề khó đo lường, như: làm thất thoát, lãng phí các nguồn vốn vay, gia tăng gánh nặng nợ nần và các hiện tượng “đầu cơ nóng” với những hệ quả đất đổ đi kèm cho cả chính phủ, DN, ngân hàng và xã hội nói chung khi các dự án vay đầu tư được lập ra có chất lượng thấp hoặc triển khai kém, giải ngân không đúng mục đích vay; Làm tổn hại đến sức cạnh tranh của nền kinh tế do việc cho vay theo “gói kích cầu” thiên về quy mô và thành tích, tức góp phần níu kéo, duy trì cơ cấu kinh tế, cũng như cơ cấu sản phẩm và thị trường kinh doanh lạc hậu, kém hiệu quả; Làm gia tăng hoặc kéo dài tình trạng bất bình đẳng thị trường giữa các loại hình DN,

khu vực kinh tế và các địa phương nếu không tuân thủ tốt các nguyên tắc minh bạch và bình đẳng trong triển khai các “gói kích cầu”; Đặc biệt, về trung hạn, tạo áp lực tái lạm phát cao trong tương lai nếu kéo dài quá lâu “liệu pháp kích cầu” và sử dụng không hiệu quả “gói kích cầu” khiến gia tăng tích tụ các mất cân đối hàng – tiền và vi phạm nghiêm trọng quy luật lưu thông tiền tệ....

Thứ tư, xuất hiện những cơn sóng “lạ” giá cả khác thường so với xu hướng giá cả thế giới với những thông điệp mang tính cảnh báo cao.

Trên thực tế, những tháng đầu năm 2009 ở nước ta chỉ số CPI không cao, nhưng xu hướng tăng nhanh vững chắc trong

những tháng gần đây: So với tháng 12/2008, CPI của cả nước tăng lần lượt qua 6 tháng từ đầu năm đến nay là: 0,32%; 1,49%; 1,32%; 1,68% ; 2,12% và 2,68%. So cùng kỳ năm 2008 thì CPI cả nước trong 6 tháng đầu năm 2009 vẫn ở mức 2 con số là 10,27%. Xu hướng tăng nhanh, vững chắc trong 3 tháng của quý 2/2009 xuất hiện rất rõ ở Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh, với các dãy số lần lượt là 0,13%; 0,24% và 0,91% và 0,49%; 0,58% và 0,6%.... Điều này cho thấy dấu hiệu gia tăng mạnh dần các tác động trễ (thường từ 3-6 tháng) của chính sách nới lỏng tài chính – tiền tệ trong khuôn khổ của các gói kích cầu của Việt Nam.

Điển hình cho các cú “lội ngược dòng” với giá cả thế giới là giá sữa ngoại nhập trên thị trường sữa Việt Nam tăng liên tục, nhưng theo kiểu nhỏ giọt để lách luật chống độc quyền (Nhà nước sẽ chỉ kiểm tra giá bán sản phẩm kinh doanh không trong diện kiểm soát giá nếu có biến động tăng giá quá mức quy định, chẳng hạn 30%) trong khi giá thế giới hạ, khiến 6 loại sữa Enfa có giá bán cao hơn giá vốn từ 220-245%, mang lại lợi nhuận khổng lồ cho nhà kinh doanh sữa ngoại trong bối cảnh khủng hoảng chung toàn thế giới.

“Làn sóng” thứ hai cũng “lạ” không kém là cơn sốt nóng kéo dài khá lâu những tháng cuối quý 1, đầu quý 2/2009 của TTCK Việt Nam trong khi có sự nguội lạnh chung của TTCK thế giới, khiến giá trị vốn hóa của TTCK tăng chóng mặt, từ mức 15% GDP cuối năm 2008, lên mức 32% GDP chỉ trong vài



chục ngày, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong lịch sử 9 năm hình thành và phát triển TTCK nước ta. Nhiều nụ cười và lợi nhuận bất ngờ của các nhà đầu tư mới nhập cuộc đã làm thay đổi khí sắc và một lần nữa càng khẳng định tính khí bất định của thị trường vốn nổi tiếng là thiếu chuyên nghiệp này ở nước ta.

Giá cả trên thị trường BDS trong nước nóng dần trong thời gian qua cũng là một hiện tượng trái ngược với xu hướng bán đổ bán tháo trên thị trường BDS Mỹ hoặc không khí trầm lắng chung bao phủ thị trường này trên thế giới.

Cuối cùng, làn sóng tăng lãi suất ngân hàng hiện nay đang tạo ra sự tương phản khác biệt với xu hướng kiềm chế lãi suất chung khá thấp trên thị trường tài chính thế giới, thậm chí ngược lại ngay cả với nguyên tắc triển khai các liệu pháp kích cầu mà Việt Nam theo đuổi.

Ngoài ra, ở một số thời điểm, do tác động ngược mặt trái của chính sách quản lý vĩ mô mục tiêu đã xuất hiện sự trái chiều ngắn hạn về giá trong nước so với giá thế giới ở thị trường vàng, thị trường ngoại hối và thị trường xe máy....

Về triển vọng: trong nửa cuối năm 2009 sẽ có nhiều chuyển biến tích cực cả trong nền kinh tế trong nước, cũng như thế giới, trước hết gắn với triển vọng tăng cầu xuất khẩu nhờ sự hồi phục chậm thị trường xuất khẩu truyền thống và mở rộng thị trường mới của Việt Nam do hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại và xúc tiến đầu tư, cơ cấu lại nền



kinh tế theo hướng phát triển hiệu quả hơn, cũng như gắn với sự thuận lợi hơn của thời tiết toàn cầu.

Tốc độ tăng trưởng GDP của ngành công nghiệp năm 2009 khoảng 5 – 5,5%; của ngành nông nghiệp khoảng 3,5 – 3,8%; ngành dịch vụ khoảng 6 – 6,5%; khả năng hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng 5% GDP là khá chắc chắn, còn chỉ tiêu về lạm phát, xuất khẩu và nhất là thâm hụt ngân sách nhà nước sẽ khó đạt hơn nhiều.

CPI cuối năm ở nước ta có thể đạt mức trên dưới 2 con số, nhưng tối đa sẽ khó vượt qua mốc 13-15% so với cùng kỳ 2008. Cần khẳng định rằng, khả năng tăng giá “sốc” như năm 2008 là rất khó xảy ra. Giá sẽ tăng nhẹ, ổn định ở thị trường BDS, vàng, xăng dầu,

thực phẩm và giao thông vận tải, năng lượng điện, cũng như chứng khoán của một số ngân hàng mạnh, một số công ty kinh doanh dầu khí và chế tạo hàng xuất khẩu sang các nước công nghiệp phát triển, như Mỹ, Nhật. Ngược lại, xu hướng giảm giá sẽ đậm hơn ở các mặt hàng cước viễn thông, hàng điện tử, dịch vụ ngân hàng, xe máy, và một số hàng hóa và dịch vụ ngoại nhập trong danh mục giảm thuế theo lộ trình cam kết trong khuôn khổ WTO, ATFA và các hiệp định thương mại tự do và đối tác kinh tế đa phương và song phương mà Việt Nam tham gia. Ngoài ra, có sự gia tăng tiếp tục ít nhiều sức ép nâng các loại lãi suất và tăng tỷ giá danh nghĩa, cũng như nới rộng biên độ và điều hành tỷ giá linh hoạt hơn■